

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 82/2012/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2012***NGHỊ ĐỊNH****Về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh về dự trữ quốc gia ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Tài chính; thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành Tài chính; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Tài chính.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính, Sở Tài chính.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, Sở Tài chính.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Chương II**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỨC NĂNG THANH TRA NGÀNH TÀI CHÍNH****Điều 4. Các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Tài chính**

1. Cơ quan thanh tra nhà nước:

a) Thanh tra Bộ Tài chính.

b) Thanh tra Sở Tài chính.

2. Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành:

a) Tổng cục Thuế; Tổng cục Hải quan; Tổng cục Dự trữ Nhà nước; Kho bạc Nhà nước; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi chung là Tổng cục).

b) Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.

c) Cục Thuế; Cục Hải quan; Cục Dự trữ Nhà nước khu vực; Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực thuộc Kho bạc Nhà nước (sau đây gọi chung là Cục thuộc Tổng cục).

d) Chi cục Thuế.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Tài chính

Thanh tra Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 18 của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Hướng dẫn Kế hoạch thanh tra ngành Tài chính.

2. Kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành của ngành Tài chính.

3. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành của ngành Tài chính.

4. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Tổng cục, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra.

5. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra ngành Tài chính.

6. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Tài chính

Chánh Thanh tra Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 19 của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.
2. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Tài chính trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.
3. Trưng tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra.
4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Tài chính

Thanh tra Sở Tài chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 24 của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, công chức làm công tác thanh tra thuộc Sở Tài chính.
2. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Tài chính trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.
3. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài chính.
4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở Tài chính

Chánh Thanh tra Sở Tài chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 25 của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Báo cáo Giám đốc Sở Tài chính, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ Tài chính về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.
2. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Tài chính trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.
3. Trưng tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị liên quan tham gia hoạt động thanh tra.
4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra gửi Thanh tra Bộ Tài chính tổng hợp để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đó.

Tổng cục có nhiệm vụ hướng dẫn xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra của các Cục trực thuộc.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Thanh tra theo kế hoạch; thanh tra những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Tổng cục, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra Bộ Tài chính.

4. Thanh tra những vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của mình; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của các Cục trực thuộc (nếu có).

6. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

7. Tổng hợp, báo cáo Thanh tra Bộ Tài chính kết quả công tác thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục thuộc Tổng cục, Chi cục Thuế

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp trên trực tiếp phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đó.

Cục Thuế có nhiệm vụ hướng dẫn xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra của các Chi cục Thuế trực thuộc.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục thuộc Tổng cục, Chi cục Thuế.

3. Thanh tra theo kế hoạch; thanh tra những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của mình hoặc theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp trên trực tiếp.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của mình.

Cục Thuế theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chi cục Thuế trực thuộc.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp trên trực tiếp kết quả công tác thanh tra chuyên ngành, giải

quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Cục thuộc Tổng cục, Chi cục Thuế.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện và kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của mình.

2. Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp trên trực tiếp; phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Báo cáo Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp trên trực tiếp việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý của cơ quan mình.

4. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Cục thuộc Tổng cục, Chi cục Thuế

1. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục (trừ tổ chức Thanh tra chuyên ngành thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại Điều 27 Nghị định này) tổ chức thành Vụ; tại Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Cục thuộc Tổng cục tổ chức thành Phòng; tại Chi cục Thuế tổ chức thành Đội.

2. Bộ phận tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, bộ phận có liên quan thuộc cơ quan mình xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp.

b) Thực hiện thanh tra theo kế hoạch; thanh tra thường xuyên; thanh tra đột xuất khi được Thủ trưởng cơ quan giao.

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật khi được phân công.

d) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả công tác thanh tra chuyên ngành; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.